

KHAI THÁC GIÁ TRỊ CỦA KHÔNG GIAN VĂN HÓA CÔNG CHIÊNG TÂY NGUYÊN TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

LÊ THỊ CẨM LÊ
Trường Đại học Tây Nguyên

Nhận bài ngày 15/8/2026. Sửa chữa xong 15/9/2026. Duyệt đăng 21/9/2026.

Abstract

This study examines the theoretical, curricular, and legal foundations for integrating the heritage values of the space of gong culture in Vietnam's Central Highlands into experiential activities for primary school students. Through a review of relevant documents, analysis, synthesis, and systematization, it identifies four core categories of heritage values: history and cultural identity; art, aesthetics, and creativity; community and social life; and spiritual beliefs, views on human life, and relationships with nature. The study then examines the educational significance of these values, proposes a six-step process for designing experiential activities, and illustrates its application through the theme "Echoes of the Great Forest" for Grade 4 students.

Keywords: Central Highlands gongs, cultural space, cultural values, experiential activities, heritage education, primary school students.

1. Đặt vấn đề

Đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam chuyển trọng tâm từ truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học, đồng thời chú trọng gắn giáo dục với thực tiễn và bản sắc văn hóa dân tộc (Ban Chấp hành Trung ương, 2013; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Trong định hướng đó, hoạt động trải nghiệm (HĐTN) tạo điều kiện để học sinh (HS) huy động kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm nhằm giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn, qua đó hình thành hiểu biết và năng lực mới.

Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên là di sản văn hóa phi vật thể sống, gắn với đời sống, nghi lễ, tín ngưỡng và quan hệ cộng đồng của nhiều dân tộc tại Tây Nguyên (UNESCO, 2003). Di sản này chứa đựng nguồn học liệu phong phú để bồi dưỡng cho HS tình yêu quê hương, ý thức về bản sắc và trách nhiệm bảo vệ di sản. Tuy nhiên, nếu thiếu định hướng sư phạm và sự tham gia của cộng đồng chủ thể, hoạt động giáo dục dễ thu hẹp công chiêng thành nhạc cụ hoặc tiết mục biểu diễn, chưa giúp HS nhận thức đầy đủ về chỉnh thể văn hóa của di sản. Các nghiên cứu đã khẳng định vai trò của giáo dục di sản theo tiếp cận trải nghiệm nhưng những nghiên cứu chuyên sâu dành cho HS tiểu học còn hạn chế (Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2026). Vì vậy, bài viết tập trung làm rõ các khái niệm, cơ sở chương trình và pháp lý; nhận diện giá trị của không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên; phân tích ý nghĩa giáo dục; từ đó đề xuất quy trình thiết kế và minh họa một chủ đề HĐTN cho HS tiểu học.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lí luận, chủ yếu là phân tích, tổng hợp, so sánh và hệ thống hóa tài liệu. Nguồn tài liệu gồm: Chương trình giáo dục phổ thông 2018; các luật, nghị định và văn bản hướng dẫn liên quan đến giáo dục, di sản văn hóa; Công ước 2003 của UNESCO; cùng các công trình nghiên cứu về học tập trải nghiệm, giáo dục di sản và Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên.

Các tài liệu được phân tích theo bốn nhóm nội dung: 1) Khái niệm và đặc trưng của HĐTN; 2) Giá trị của Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên; 3) Yêu cầu của chương trình và pháp luật đối với

Email: ltcle@ttn.edu.vn

giáo dục di sản; 4) Quy trình thiết kế HĐTN. Trên cơ sở đối chiếu và khái quát hóa kết quả phân tích, nghiên cứu đề xuất quy trình thiết kế và xây dựng chủ đề minh họa phù hợp với đặc điểm HS tiểu học.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Một số khái niệm công cụ

3.1.1. Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học là hoạt động giáo dục bắt buộc, được nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện. Hoạt động này tạo cơ hội để HS tiếp cận thực tế, huy động kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm đã có nhằm thực hiện nhiệm vụ hoặc giải quyết những vấn đề phù hợp với lứa tuổi trong đời sống nhà trường, gia đình và xã hội. Thông qua quá trình đó, kinh nghiệm của HS được chuyển hóa thành hiểu biết và kĩ năng mới, góp phần phát triển phẩm chất, năng lực và khả năng thích ứng với cuộc sống (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Dưới góc độ lí thuyết học tập trải nghiệm, kinh nghiệm chỉ thực sự có ý nghĩa giáo dục khi người học quan sát, suy ngẫm, khái quát hóa và vận dụng những điều thu nhận được vào tình huống mới (Kolb, 1984). Vì vậy, không phải mọi hoạt động tham quan, quan sát, nghe giới thiệu hoặc tham gia biểu diễn đều đương nhiên trở thành HĐTN. Yếu tố cốt lõi là HS phải được trực tiếp hành động, xử lí thông tin, bộc lộ cảm xúc, trao đổi, suy ngẫm và rút ra bài học từ hoạt động của mình. Tác giả Nguyễn Văn Hạnh (2017) cũng cho rằng học tập trải nghiệm gắn với quá trình người học chuyển hóa kinh nghiệm thông qua hoạt động để hình thành tri thức, kĩ năng và năng lực mới.

Hoạt động trải nghiệm cho HS tiểu học được hiểu là hoạt động giáo dục có mục tiêu, được thiết kế phù hợp với yêu cầu cần đạt và đặc điểm lứa tuổi, trong đó HS tham gia trực tiếp vào các nhiệm vụ thực tiễn, suy ngẫm về những điều đã trải qua và vận dụng kết quả trải nghiệm vào học tập, sinh hoạt và ứng xử.

3.1.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm

Tổ chức HĐTN không chỉ là bố trí cho HS tham gia một sự kiện mà là quá trình tác động sự phạm có mục đích của giáo viên (GV) và các lực lượng giáo dục. Quá trình này bao gồm xác định yêu cầu cần đạt; lựa chọn chủ đề và nội dung; thiết kế nhiệm vụ; bố trí không gian, thời gian và phương tiện; phối hợp các lực lượng tham gia; hướng dẫn HS thực hiện; tổ chức chia sẻ, phản hồi và đánh giá kết quả. Việc thiết kế cần bảo đảm sự phù hợp giữa mục tiêu, nội dung, cách thức tiến hành, điều kiện thực hiện và đặc điểm của HS; đồng thời tạo điều kiện để HS giữ vai trò chủ thể trong quá trình hoạt động (Vũ Thị Lan Anh, 2024). Như vậy, tổ chức HĐTN cho HS tiểu học được hiểu là quá trình GV chủ động thiết kế, điều phối và hướng dẫn một chuỗi hoạt động giáo dục, trong đó HS được tham gia từ khám phá, thực hành, tương tác đến suy ngẫm và vận dụng nhằm đạt được những yêu cầu về phẩm chất và năng lực đã xác định. Cách hiểu này nhấn mạnh hai phương diện thống nhất: sự định hướng, hỗ trợ của GV và tính tích cực, tự chủ của HS.

3.1.3. Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên

Đây là một di sản văn hóa phi vật thể sống, được duy trì trong đời sống của nhiều cộng đồng tộc người ở Tây Nguyên. Theo UNESCO, cồng chiêng gắn chặt với đời sống thường nhật, chu kì mùa vụ, các nghi lễ và hệ thống tín ngưỡng của cộng đồng; âm thanh cồng chiêng là phương tiện kết nối con người với cộng đồng, tự nhiên và thế giới tinh thần (UNESCO, 2003). Viện Văn hóa - Thông tin (2006) cũng chỉ ra rằng sinh hoạt cồng chiêng hiện diện trong nhiều nghi lễ liên quan đến vòng đời con người, chu kì canh tác, lễ hội và các sự kiện quan trọng của gia đình, dòng họ và cộng đồng. Do đó, không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên không thể được đồng nhất với bản thân nhạc cụ cồng, chiêng hoặc một tiết mục trình diễn. Cấu trúc của di sản bao gồm ít nhất các thành tố: cồng và chiêng; nghệ nhân và người thực hành; tri thức chỉnh chiêng và kĩ thuật diễn tấu; các bài chiêng, điệu múa và hình thức diễn xướng; nghi lễ, lễ hội và phong tục liên quan; địa điểm thực hành; môi trường tự nhiên, xã hội cùng những niềm tin, chuẩn mực và quan hệ cộng đồng được thể hiện qua thực hành di sản. Các thành tố này tồn tại trong mối liên hệ hữu cơ, được cộng đồng trao truyền, tái tạo và điều chỉnh qua các thế hệ. Đây cũng là đặc trưng của di sản văn hóa phi vật thể theo quan điểm của UNESCO (2003). Trong

khuôn khổ bài viết, không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên được hiểu là một chỉnh thể văn hóa sống, bao gồm hệ thống nhạc cụ công, chiêng và toàn bộ chủ thể, tri thức, kĩ năng, nghi lễ, phong tục, môi trường diễn xướng, quan hệ cộng đồng và những ý nghĩa tinh thần gắn với việc thực hành công chiêng của các cộng đồng cư dân Tây Nguyên.

3.1.4. Giá trị của không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên

Giá trị của di sản không chỉ nằm ở hiện vật hay hình thức biểu diễn mà còn thể hiện ở những ý nghĩa, tri thức, chuẩn mực và chức năng xã hội do cộng đồng sáng tạo, thừa nhận và trao truyền. Các nghiên cứu về không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên cho thấy di sản chứa đựng những giá trị lịch sử, nghệ thuật, thẩm mỹ, tín ngưỡng, xã hội, cộng đồng và tri thức bản địa; đồng thời phản ánh mối quan hệ giữa con người với gia đình, buôn làng, tự nhiên và thế giới tinh thần (Viện Văn hóa - Thông tin, 2006).

Trong phạm vi nghiên cứu này cần phân biệt giá trị vốn có của di sản với giá trị giáo dục có thể khai thác từ di sản. Giá trị vốn có được hình thành và tồn tại trong đời sống của cộng đồng chủ thể. Giá trị giáo dục là khả năng những giá trị đó được lựa chọn, sử dụng và chuyển thành nội dung, nhiệm vụ trải nghiệm phù hợp, qua đó góp phần hình thành phẩm chất, năng lực, nhận thức văn hóa và ý thức bảo vệ di sản cho HS. Sự phân biệt đó giúp tránh việc áp đặt mục tiêu của nhà trường lên di sản hoặc giản lược di sản thành một phương tiện minh họa.

3.1.5. Khai thác giá trị của không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên trong tổ chức hoạt động trải nghiệm

Trong giáo dục, “khai thác” không được hiểu là sử dụng di sản một cách tùy tiện, thương mại hóa hoặc mô phỏng máy móc các thực hành văn hóa. Đó là quá trình nhận diện, lựa chọn và sử dụng các giá trị phù hợp để chuyển hóa thành mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, phương thức tổ chức, sản phẩm và tiêu chí đánh giá HĐTN. Quá trình này đồng thời phải bảo đảm tính xác thực của tri thức, tôn trọng cộng đồng chủ thể, phù hợp với đặc điểm HS tiểu học và không làm sai lệch ý nghĩa của những thực hành văn hóa, nhất là các nghi lễ mang tính thiêng. Như vậy, khai thác giá trị của không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên trong tổ chức HĐTN cho HS tiểu học là quá trình giáo dục nhằm nhận diện, lựa chọn, sử dụng và chuyển hóa những giá trị phù hợp của di sản thành mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và môi trường trải nghiệm; tạo điều kiện để HS trực tiếp khám phá, tương tác, thực hành, suy ngẫm và vận dụng, qua đó góp phần hình thành phẩm chất, năng lực, ý thức tôn trọng, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa.

3.2. Giá trị của không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên

Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên là một chỉnh thể di sản, trong đó công, chiêng gắn với nghệ nhân, cộng đồng chủ thể, nghi lễ, lễ hội, tri thức dân gian và môi trường diễn xướng. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu, có thể xác định bốn nhóm giá trị cơ bản sau: Giá trị lịch sử và bản sắc văn hóa: Công chiêng hiện diện lâu đời trong đời sống của các dân tộc Tây Nguyên, gắn với lịch sử cộng đồng và quá trình trao truyền văn hóa giữa các thế hệ. Mặc dù cùng sử dụng công, chiêng, mỗi cộng đồng lại có cách biên chế dàn chiêng, bài chiêng, kĩ thuật diễn tấu và quy định thực hành riêng. Vì vậy, di sản vừa thể hiện những đặc trưng chung của văn hóa Tây Nguyên, vừa phản ánh bản sắc của từng tộc người, tạo nên sự thống nhất trong đa dạng (Quốc hội, 2024). Giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và sáng tạo: Giá trị này được thể hiện ở kĩ thuật chỉnh chiêng, khả năng thẩm âm, phương thức phối hợp giữa các thành viên và sự phong phú của âm sắc, tiết tấu, bài bản. Trong một dàn chiêng, mỗi nghệ nhân thường đảm nhiệm một âm nhưng phải phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác để tạo thành chỉnh thể âm nhạc. Sự kết hợp giữa tiếng công chiêng với múa, trang phục, lễ thức và không gian núi rừng tạo nên một hình thức nghệ thuật tổng hợp giàu sức biểu cảm (Viện Văn hóa - Thông tin, 2006; Lưu Trần Tiêu, 2019). Giá trị cộng đồng và xã hội: Sinh hoạt công chiêng gắn với gia đình, dòng họ, buôn làng và đòi hỏi sự tham gia, phối hợp của nhiều thành viên. Công chiêng hiện diện trong các sự kiện quan trọng như đón khách, kết nghĩa, mừng nhà mới, mừng mùa, cưới hỏi và những nghi lễ thuộc vòng đời con người. Việc cùng chuẩn bị, thực hành và thưởng thức công chiêng góp phần củng cố quan hệ xã hội, nuôi dưỡng tinh thần hợp tác, ý thức trách nhiệm và sự gắn kết cộng đồng (Quốc hội, 2019; Lưu Trần Tiêu, 2019). Giá trị tín ngưỡng, nhân sinh và mối quan hệ với tự nhiên: Trong đời sống truyền thống, công chiêng

không chỉ là nhạc cụ mà còn được xem là phương tiện kết nối con người với tổ tiên, thần linh và thế giới siêu nhiên. Tiếng cồng chiêng gắn với chu kỳ canh tác, vòng đời con người và các nghi lễ như cúng bến nước, cầu mưa, mừng lúa mới, cưới hỏi và lễ bỏ mả. Qua đó, di sản phản ánh thế giới quan, quan niệm sống và mối quan hệ giữa con người với cộng đồng, tự nhiên và môi trường sinh thái (UNESCO, 2003).

Các nhóm giá trị trên có quan hệ chặt chẽ, không tồn tại tách biệt. Vì vậy, khai thác di sản trong HĐTN cần tiếp cận không gian văn hóa cồng chiêng như một chỉnh thể văn hóa sống, tránh thu hẹp thành việc giới thiệu nhạc cụ hoặc tổ chức biểu diễn đơn thuần.

3.3. Đề xuất quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm

Trên cơ sở yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chu trình học tập trải nghiệm của Kolb và quy trình thiết kế kế hoạch HĐTN cho HS tiểu học của Vũ Thị Lan Anh, bài viết đề xuất quy trình gồm 6 bước. Quy trình được vận dụng linh hoạt, có sự phản hồi và điều chỉnh giữa các bước (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; Kolb, 1984; Vũ Thị Lan Anh, 2024).

Bước 1: Xác định yêu cầu cần đạt và mục tiêu hoạt động: GV lựa chọn yêu cầu cần đạt phù hợp với khối lớp, chủ yếu thuộc mạch hoạt động hướng đến xã hội; từ đó xác định các biểu hiện cụ thể về kiến thức, thái độ và hành vi của HS. Mục tiêu cần hướng tới việc hình thành phẩm chất yêu nước, trách nhiệm và các năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, thiết kế và tổ chức hoạt động.

Bước 2: Lựa chọn giá trị di sản và xây dựng chủ đề: Căn cứ vào mục tiêu, GV lựa chọn những giá trị tiêu biểu của không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên như giá trị lịch sử, nghệ thuật, tâm linh, cộng đồng và bản sắc tộc người. Nội dung phải chính xác, phù hợp với lứa tuổi và không tách cồng chiêng khỏi môi trường văn hóa, lễ hội và cộng đồng thực hành di sản.

Bước 3: Khảo sát đối tượng, điều kiện và huy động nguồn lực: GV tìm hiểu vốn sống, nhu cầu và khả năng tham gia của HS; đồng thời khảo sát thời gian, địa điểm, học liệu, kinh phí và các điều kiện bảo đảm an toàn. Tùy điều kiện thực tế, nhà trường có thể phối hợp với nghệ nhân, cha mẹ HS, bảo tàng, cơ quan văn hóa và cộng đồng địa phương. Sự tham gia của chủ thể di sản giúp bảo đảm tính xác thực và hạn chế việc diễn giải sai lệch văn hóa (UNESCO, 2003).

Bước 4: Thiết kế tiến trình trải nghiệm: Tiến trình có thể gồm: kết nối kinh nghiệm - trải nghiệm cụ thể - chia sẻ, suy ngẫm - khái quát giá trị - vận dụng, sáng tạo. HS được nghe, quan sát, phỏng vấn nghệ nhân, thực hành nhịp điệu phù hợp, thảo luận ý nghĩa văn hóa và tạo sản phẩm giới thiệu di sản. Cấu trúc này phù hợp với chu trình trải nghiệm cụ thể, quan sát phản tư, khái quát hóa và vận dụng của Kolb (1984). Trong đó, GV cần dành thời gian cho HS suy ngẫm để trải nghiệm được chuyển hóa thành hiểu biết và hành vi.

Bước 5: Thiết kế phương án đánh giá: Tiêu chí đánh giá phải gắn với mục tiêu, bao gồm mức độ tham gia, hiểu biết về di sản, thái độ tôn trọng văn hóa, khả năng hợp tác và chất lượng sản phẩm. GV kết hợp quan sát, phiếu tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, sản phẩm học tập và nhận xét của nghệ nhân hoặc lực lượng cộng đồng; chú trọng cả quá trình và kết quả hoạt động (Vũ Thị Lan Anh, 2024).

Bước 6: Rà soát, hoàn thiện và điều chỉnh: Trước khi tổ chức, kế hoạch cần được kiểm tra về tính chính xác văn hóa, sự phù hợp với HS, khả năng thực hiện và mức độ an toàn. Sau hoạt động, GV thu thập phản hồi của HS và các lực lượng tham gia để điều chỉnh mục tiêu, nội dung, tiến trình và công cụ đánh giá cho những lần tổ chức tiếp theo.

Khai thác di sản trong HĐTN giúp HS chuyển từ tiếp nhận thụ động sang trực tiếp khám phá, cảm nhận và thực hành các giá trị văn hóa thông qua quan sát, giao lưu với nghệ nhân, tham gia trình diễn hoặc tìm hiểu không gian lễ hội. Qua đó, HS không chỉ hiểu sâu hơn về lịch sử, đời sống và bản sắc cộng đồng mà còn phát triển các năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo và tổ chức hoạt động, đồng thời bồi dưỡng tình yêu quê hương, niềm tự hào dân tộc, trách nhiệm và thái độ tôn trọng sự đa dạng văn hóa (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2026). Bên cạnh đó, HĐTN di sản còn tăng cường sự gắn kết giữa nhà trường, gia đình, nghệ nhân và cộng đồng địa phương, góp phần hình thành ý thức bảo vệ, quảng bá và trao truyền di sản cho các thế hệ sau, phù

hợp với định hướng giáo dục như một phương thức bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (UNESCO, 2003).

3.4. Minh họa chủ đề “Âm vang đại ngàn”

Chủ đề “Âm vang đại ngàn” được thiết kế minh họa cho HS lớp 4, thời lượng 3 tiết (105 phút), theo hình thức HĐTN theo chủ đề. Nội dung tập trung giúp HS nhận biết công chiêng không chỉ là một loại nhạc cụ mà còn gắn với con người, nghi lễ, lễ hội và đời sống cộng đồng Tây Nguyên.

3.4.1. Mục tiêu

Sau khi tham gia chủ đề, HS có thể: Trình bày được một số nét tiêu biểu và giá trị cơ bản của không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên; Thể hiện sự yêu quý, tôn trọng di sản và cộng đồng chủ thể văn hóa; Hợp tác với bạn để tìm hiểu, trình bày và tạo sản phẩm giới thiệu di sản; Đề xuất được những việc làm phù hợp với lứa tuổi nhằm góp phần bảo vệ, quảng bá di sản.

3.4.2. Chuẩn bị

Giáo viên chuẩn bị bản đồ Tây Nguyên, hình ảnh, đoạn phim và bản ghi âm công chiêng có nguồn gốc rõ ràng; phiếu quan sát, giấy khổ lớn và vật liệu làm sản phẩm. Nếu điều kiện cho phép, nhà trường mời nghệ nhân hoặc cán bộ văn hóa địa phương tham gia hướng dẫn. HS sưu tầm hình ảnh, câu chuyện hoặc thông tin về công chiêng. Tài liệu và cách thức thực hành cần được tham vấn chủ thể văn hóa nhằm bảo đảm tính chính xác và tôn trọng di sản.

3.4.3. Tiến trình tổ chức

Giai đoạn	Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
1. Kết nối kinh nghiệm (10 phút)	GV cho HS nghe một đoạn âm thanh công chiêng nhưng chưa giới thiệu hình ảnh. HS đoán tên nhạc cụ, chia sẻ cảm xúc và những điều đã biết. GV nêu câu hỏi định hướng: “Vì sao tiếng công chiêng được xem là âm thanh của cộng đồng Tây Nguyên?”	Ý kiến và câu hỏi ban đầu của HS
2. Trải nghiệm cụ thể (25 phút)	HS xem nghệ nhân trình diễn hoặc video tư liệu; quan sát hình ảnh về nhạc cụ, người diễn tấu, lễ hội và không gian cộng đồng. Các nhóm hoàn thành phiếu “Em thấy - Em nghe - Em thắc mắc”. HS có thể thực hành tiết tấu đơn giản bằng vỗ tay hoặc nhạc cụ mô phỏng; việc sử dụng công chiêng thật phải có sự đồng ý và hướng dẫn của nghệ nhân.	Phiếu quan sát trải nghiệm
3. Chia sẻ và suy ngẫm (20 phút)	Các nhóm chia sẻ cảm xúc, điều gây ấn tượng và thảo luận: Công chiêng có ý nghĩa như thế nào đối với cộng đồng? Điều gì có thể mất đi nếu di sản không được trao truyền?	Bảng tổng hợp ý kiến nhóm
4. Khái quát giá trị (15 phút)	HS phân loại thông tin theo các nhóm giá trị: lịch sử, nghệ thuật, tâm linh, cộng đồng và bản sắc văn hóa. GV chuẩn hóa kiến thức, nhấn mạnh Không gian văn hóa công chiêng bao gồm nhạc cụ, người thực hành, nghi lễ, lễ hội và môi trường văn hóa liên quan.	Sơ đồ các giá trị của di sản
5. Vận dụng và sáng tạo (25 phút)	Mỗi nhóm lựa chọn thiết kế áp phích, tờ gấp, đoạn giới thiệu âm thanh hoặc đóng vai “Hướng dẫn viên di sản”. Sản phẩm cần có thông tin chính xác, giới thiệu ít nhất một giá trị và đề xuất một việc làm bảo vệ di sản.	Sản phẩm truyền thông về công chiêng
6. Chia sẻ và đánh giá (10 phút)	Các nhóm trưng bày, giới thiệu sản phẩm; HS tự đánh giá và nhận xét sản phẩm của bạn. Cuối hoạt động, mỗi em hoàn thành phiếu: “Một điều em hiểu - Một giá trị em trân trọng - Một việc em sẽ làm”.	Phiếu tự đánh giá và cam kết hành động

Tiến trình trên vận dụng chu trình học tập trải nghiệm gồm trải nghiệm cụ thể, quan sát, phản tư, khái quát hóa và vận dụng vào tình huống mới (Kolb, 1984); đồng thời bảo đảm HS được tham gia, suy ngẫm, tạo sản phẩm và tự đánh giá (Vũ Thị Lan Anh, 2024).

3.4.4. Đánh giá

Việc đánh giá được thực hiện thông qua quan sát quá trình tham gia, phiếu học tập và sản phẩm của HS, dựa trên bốn tiêu chí: Nhận biết đúng các đặc điểm và giá trị của di sản; Tham gia tích cực, biết hợp tác và chia sẻ nhiệm vụ; Sản phẩm có nội dung chính xác, sáng tạo và thông điệp rõ ràng; Thể hiện thái độ tôn trọng và đề xuất được hành động bảo vệ di sản phù hợp.

Xem tiếp trang 179